

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HSST  
Ngày: 21/3/2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Thu Hằng;

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lê Văn Bảy và ông Ngô Đình Quốc.

*- Thư ký phiên tòa:* bà Cao Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Quỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 03 năm 2023; đối với bị cáo:

**Ngô Công Đ** (tên gọi khác: không), sinh năm 1992, tại tỉnh Phú Yên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: **khu phố T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên**; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Ngô Văn L**, sinh năm 1960 và bà **Lương Thị L1**, sinh năm 1964; vợ **Nguyễn Thị Đ1**, sinh năm 1988, có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

\* *Người bị hại:* ông **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1988. Trú tại: **thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên**. Có mặt.

\* *Người làm chứng:* ông **Ngô Ngữ Đ2**, sinh năm 1990. Trú tại: **khu phố T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 50 ngày 01/11/2022, **Ngô Công Đ**, sinh năm 1992, trú **khu phố T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên** làm việc tại cảng cá thuộc **khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên** thì thấy trong cốp xe mô tô biển số 78E1-423.35 của ông **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1988, trú **thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên** đang dựng phía trước của **nhà máy Đ3** có một ví da bị lộ ra ngoài nhưng không có ai trông coi, **Đ** liền nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau khi quan sát xung quanh không có người, **Đ** đi lại xe và dùng tay lấy ví da cất vào trong túi quần rồi bỏ đi vào nhà vệ sinh của **nhà máy Đ3**. Sau đó, **Đ** lấy tổng số tiền mặt trong ví là 10.110.000 đồng (Mười triệu một trăm mười nghìn đồng) cất trong túi, rồi ném ví da xuống sông cạnh bên cảng cá.

Vật chứng vụ án: 20 tờ tiền polyme, loại mệnh giá 500.000 đồng; 02 (hai) tờ tiền polyme, loại mệnh giá 50.000 đồng; 01 tờ tiền polyme, loại mệnh giá 10.000 đồng đã trả lại cho ông **Phạm Ngọc T**. Riêng ví da đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKSĐH ngày 23/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo **Ngô Công Đ** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

#### **Tại phiên tòa:**

Bị cáo **Ngô Công Đ** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại **Phạm Ngọc T** trình bày đã nhận lại số tiền 10.110.000 đồng và số tiền 2.000.000 đồng bị cáo bồi thường cho ông để làm lại giấy tờ bị mất nên ông không yêu cầu gì về phần dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử xét xử giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất về phần hình phạt đối với bị cáo.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng số 09/CT-VKSĐH ngày 23/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo **Ngô Công Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo **Ngô Công Đ** từ 6 đến 9 tháng tù thời hạn tù kể từ ngày bắt thi hành án; không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.



## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Đ, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: ông Ngô Ngữ Đ2 là người biết được những tình tiết liên quan đến hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo. Do đó xác định ông Ngô Ngữ Đ2 là người làm chứng chứ không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đối với việc vắng mặt của người làm chứng ông Ngô Ngữ Đ2, trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ và rõ ràng, đồng thời tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo và người bị hại đề nghị xét xử vắng mặt người làm chứng. Nhận thấy, sự vắng mặt của ông Ngô Ngữ Đ2 không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ vào các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo:

[2.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ngô Công Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường; thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội cùng các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 09 giờ 50 ngày 01/11/2022, bị cáo Ngô Công Đ có hành vi lén lút trộm 01 ví da nằm trong cốp xe mô tô biển số 78E1-423.35 của anh Phạm Ngọc T đang dựng phía trước của nhà máy đá tại C cá thuộc khu phố P, Hòa Hiệp N, tổng số tiền mặt bị cáo trộm được trong ví là 10.110.000 đồng (Mười triệu một trăm mười nghìn đồng). Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, chiếm đoạt tài sản của người bị hại trên 2.000.000 đồng, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa đã truy tố bị cáo Ngô Công Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định

tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có sức khỏe, có khả năng lao động, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, nhưng vì để có tiền tiêu xài cá nhân mà bất chấp hậu quả, lợi dụng sự sơ hở của người bị hại lén lút lấy trộm tài sản. Vì vậy, cần xử bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[2.3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: bị cáo **Ngô Công Đ** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra vụ án, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại 12.110.000đồng; bị hại có đơn bãi nại và tại phiên tòa bị hại xin giảm mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, HĐXX xét thấy không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, để bị cáo tự rèn luyện cải tạo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị cáo trộm cắp đã được trả cho chủ sở hữu, người bị hại không có yêu cầu gì về dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*



## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 và 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố: bị cáo **Ngô Công Đ** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Phạt bị cáo **Ngô Công Đ** 09 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Giao bị cáo **Ngô Công Đ** cho **UBND phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục đối với bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

3. Về án phí: Bị cáo **Ngô Công Đ** phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Thu Hằng**

